TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 25-9-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tươi;

Bà Lê Thị Diễm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1975 – Xin vắng mặt;

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1970 - Xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố A L, phường A H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã A H, huyện Trảng Bàng (nay là phường A H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp A L, xã A H, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố A L, phường A H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, đến khi sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do gánh nặng về kinh tế gia đình nên anh T thường mắng chửi chị bằng những lời lẽ thô tục. Năm 2019, khi chị đang mang thai nhưng

anh T đi làm không đưa tiền cho chị lo chi phí trong gia đình, đến khi chị sinh con anh T cũng bỏ mặc, không chăm sóc cho chị. Hơn 03 năm trước, anh T ra sống riêng tại nhà của con gái xây ở đối diện nhà của vợ chồng và vợ chồng ly thân đến nay. Khi chị nộp đơn ly hôn, sau khi anh T nhận được giấy mời lần đầu của Tòa án, anh T có kêu chị bỏ qua cho anh T, anh T hứa sửa đổi nhưng chị không đồng ý, từ đó đến nay vợ chồng không nói chuyện với nhau nữa.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 15-5-1994; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22-9-1998; Nguyễn Thị Lý N1, sinh ngày 21-9-2006 và Nguyễn D, sinh ngày 08-01-2019. Cháu Y, cháu N và cháu N1 đều đã thành niên và có khả năng lao động, cháu D hiện đang sống chung với chị B. Khi ly hôn, chị B không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Y, cháu N và cháu N1; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Lời trình bày của anh T và chị B về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày vợ chồng chỉ mới phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân là do anh đi làm thợ hồ, buổi chiều có uống rượu, chị B không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau. Anh và chị B vẫn đang sống chung nhà, không ly thân. Nay anh yêu cầu đoàn tụ với chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 15-5-1994; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22-9-1998; Nguyễn Thị Lý N1, sinh ngày 21-9-2006 và Nguyễn D, sinh ngày 08-01-2019. Cháu Y, cháu N đã thành niên và có gia đình riêng.

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao cháu N1 và cháu D cho chị B nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 15-5-1994; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22-9-1998 và Nguyễn Thị Lý N1, sinh ngày 21-9-2006 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 08-01-2019 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B và bị đơn anh Nguyễn Thành T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã A H, huyện Trảng Bàng (nay là phường A H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân hơn 03 năm nay, trong thời gian ly thân anh T có đặt vấn đề đoàn tụ với chị B một lần nhưng chị B không đồng ý. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị B trình bày do anh T thường mắng chửi chị vô cớ, khi chị mang thai và sinh con anh T không lo cho gia đình cũng không chăm sóc chị. Anh T trình bày vợ chồng chỉ mới phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, do anh làm thợ hồ nên chiều về thường uống rượu, chị B không đồng ý nên vợ chồng thường cãi nhau, nhưng vợ chồng vẫn sống chung nhà, không ly thân. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh T yêu cầu đoàn tụ nhưng đề nghị vắng mặt không đến Tòa tham gia hòa giải, không có giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn với chị B. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh T có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 15-5-1994; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22-9-1998; Nguyễn Thị Lý N1, sinh ngày 21-9-2006 và Nguyễn D, sinh ngày 08-01-2019. Cháu Y, cháu N và cháu N1 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được

nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Cháu D hiện đang sống chung với chị B. Nay chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, anh T cũng đồng ý giao cháu D cho chị B nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành T.

Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 15-5-1994; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22-9-1998; Nguyễn Thị Lý N1, sinh ngày 21-9-2006 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 08-01-2019 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014856 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị B, anh T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc